DANH SÁCH CHỦ SỬ DỤNG VÀ CÁC THỬA ĐẤT THU HỒI (ĐỢT 6)
Để thực hiện dự án: Khu phía Bắc thuộc Khu dân cư số 1 xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang
Địa điểm: tại thôn Chùa và thôn Gai, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 864 */QĐ-UBND ngày* 14 */ 6/2023 của UBND huyện Lạng Giang)*

STT	Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất	Địa chỉ thôn	Trích lục bản đồ địa chính				Diện tích đã thu tại QĐ số 1080/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 đợt 3 dự án Khu phía Bắc thuộc KDC số 1 Xuân Hương (m²)	Diện tích thu hồi		Tổng diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)	Hình thức sử dụng			Loại đất theo bản đồ
			Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích (m²)	Diện tích thu hồi (m²)		Trong chỉ giới (m²)	Ngoài chỉ giới (m²)			Ổn định 50 năm (m²)	Công ích/ khoán thầu (m²)	Đất công ích không giao cho hộ gia đình, cá nhân khoán thầu (m²)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=9+10*	*12=7-8-11*	*13*	*14*	*15*	*16*
Tổng cộng					**7,572.3**	**4,883.2**	**180.0**	**4,883.2**	**60.9**	**4,944.1**	**2,448.2**	**2,808.5**	**1,351.5**	**784.1**	**-**
1	Phạm Văn Điển (Vượng)	Chùa				90.0		90.0	-	90.0		90.0			LUK
2	Phạm Văn Độ Nguyễn Thị Hương	Chùa				104.0		104.0	-	104.0		104.0			LUK
3	Nguyễn Văn Hưởng Phạm Thị Linh	Chùa				104.0		104.0	-	104.0		104.0			LUK
4	Nguyễn Văn Bính Nguyễn Thị Hoan (Vợ)	Chùa				32.0		32.0	-	32.0		32.0			LUK
						32.0		32.0	-	32.0		32.0			LUK
5	Nguyễn Thị Huận	Chùa				36.0		36.0	-	36.0			36.0		LUK
6	Nguyễn Văn La Nguyễn Thị Thực	Chùa				50.0		50.0	-	50.0		50.0			LUK
7	Nguyễn Văn Được Nguyễn Thị Hội (vợ)	Chùa				90.0		90.0	-	90.0		-	90.0		LUK
8	Nguyễn Văn Hợi Đặng Thị Quảng (vợ)	Chùa				76.0		76.0	-	76.0		76.0	-		LUK
9	Nguyễn Văn Thơm	Chùa				85.0		85.0	-	85.0		85.0	-		LUK
10	Nguyễn Thị Hồng	Chùa				75.0		75.0	-	75.0		75.0			LUK
11	Nguyễn Văn Kiên	Chùa				136.0		136.0	-	136.0		136.0			LUK
12	Nguyễn Thị Tam Nguyễn Thị Nhuận	Chùa				106.0		106.0	-	106.0		106.0			LUK
13	Nguyễn Văn Chín Hà Thị Hoàn (Vợ)	Chùa				56.0		56.0	-	56.0		56.0			LUK
14	Nguyễn Văn Duyên Nguyễn Thị Chi (Vợ)	Chùa				66.0		66.0	-	66.0		66.0			LUK
15	Nguyễn Văn Hiền (đã chết) Nguyễn Thị Du (Vợ)	Chùa				40.0		40.0	-	40.0		40.0			LUK
16	Nguyễn Văn Hiền (đã chết) Nguyễn Thị Du (Vợ)	Chùa	66	674	5,277.8	32.0		32.0		32.0	2,278.0	32.0			LUK
17	Nguyễn Văn Là Trần Thị Đàn	Chùa				60.0		60.0	-	60.0		60.0			LUK
18	Phạm Văn Nhân (đã chết) Nguyễn Thị Bé (Vợ)	Chùa				116.0		116.0	-	116.0		116.0			LUK

STT	Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất	Địa chỉ thôn	Trích lục bản đồ địa chính				Diện tích đã thu tại QĐ số 1080/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 đợt 3 dự án Khu phía Bắc thuộc KDC số 1 Xuân Hương (m^2)	Diện tích thu hồi		Tổng diện tích thu hồi (m^2)	Diện tích còn lại (m^2)	Hình thức sử dụng			Loại đất theo bản đồ
			Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích (m^2)	Diện tích thu hồi (m^2)		Trong chỉ giới (m^2)	Ngoài chỉ giới (m^2)			Ổn định 50 năm (m^2)	Công ích/ khoán thầu (m^2)	Đất công ích không giao cho hộ gia đình, cá nhân khoán thầu (m^2)	
19	Nguyễn Văn Miện(đã chết) Nguyễn Văn Pháp	Chùa				144.0		144.0	-	144.0		144.0	-		LUK
20	Nguyễn Văn Thắm Nguyễn Thị Hà (Vợ)	Chùa				76.0		76.0	-	76.0		76.0			LUK
21	Nguyễn Thị Ngơi Nguyễn Thị Minh	Chùa				92.0		92.0	-	92.0		92.0	-		LUK
22	Nguyễn Thị Cậy Nguyễn Thị Hoàn	Chùa				84.0		84.0	-	84.0		-	84.0		LUK
23	Hà Văn Diệu Hà Thị Là (Vợ)	Chùa				90.0		90.0	-	90.0		90.0			LUK
24	Nguyễn Văn Bắc Hà Thị Toan (Vợ)	Chùa				48.0		48.0	-	48.0		48.0			LUK
25	Nguyễn Thị Nga Nguyễn Văn Tình (đã chết)	Chùa				64.0		64.0	-	64.0		-	64.0		LUK
26	Nguyễn Văn Lộc	Chùa				72.0		72.0	-	72.0		72.0			LUK
						70.0		70.0		70.0		70.0			LUK
27	Nguyễn Thị Hiền	Chùa				22.0		22.0	-	22.0		22.0			LUK
						24.0		24.0		24.0		24.0			LUK
						62.0		62.0		62.0			62.0		LUK
28	Phạm Văn Đích	Chùa				100.0		100.0		100.0		100.0			LUK
29	UBND xã	Chùa				665.8		665.8		665.8		-		665.8	LUK
30	Nguyễn Văn Năm	Chùa				16.3		16.3	-	16.3	-		16.3		LUK
31	Nguyễn Văn Đại Nguyễn Thị Trường (Vợ)	Chùa				20.0		20.0	-	20.0	-	-	20.0		LUK
32	Nguyễn Văn Mậu Nguyễn Thị Hải (Vợ)	Chùa	66	743	130.0	17.0		17.0	-	17.0	-	17.0			LUK
33	Phạm Văn Doãn (đã chết) Phạm Văn Tiệp Nguyễn Thị Dung (Vợ)	Chùa				19.2		19.2	-	19.2	-	19.2			LUK
34	UBND xã	Chùa				57.5		57.5	-	57.5	-	-		57.5	LUK
35	Nguyễn Văn Năm	Chùa				26.4		26.4	-	26.4	-		26.4		LUK
36	Nguyễn Văn Đại Nguyễn Thị Trường (Vợ)	Chùa				28.0		28.0	-	28.0	-	-	28.0		LUK
37	Nguyễn Văn Mậu Nguyễn Thị Hải (Vợ)	Chùa				24.0		24.0	-	24.0	-	24.0			LUK
38	Nguyễn Văn Di Hà Thị Sản (Vợ)	Chùa				120.0		120.0	-	120.0	-	120.0			LUK
39	Phạm Văn Thụy (đã chết) Phạm Văn Bang	Chùa	66	745	466.5	132.0		132.0	-	132.0	-	132.0			LUK

STT	Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất	Địa chỉ thôn	Trích lục bản đồ địa chính				Diện tích đã thu tại QĐ số 1080/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 đợt 3 dự án Khu phía Bắc thuộc KDC số 1 Xuân Hương (m²)	Diện tích thu hồi		Tổng diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)	Hình thức sử dụng			Loại đất theo bản đồ
			Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích (m²)	Diện tích thu hồi (m²)		Trong chỉ giới (m²)	Ngoài chỉ giới (m²)			Ổn định 50 năm (m²)	Công ích/ khoán thầu (m²)	Đất công ích không giao cho hộ gia đình, cá nhân khoán thầu (m²)	
40	Phạm Văn Doãn (đã chết) Phạm Văn Tiệp Nguyễn Thị Dung (Vợ)	Chùa				41.9		41.9	-	41.9	-	41.9			LUK
41	Phạm Văn Lực Vương Thị Thơm	Chùa				50.2		50.2	-	50.2	-	-	50.2		LUK
42	Trịnh Thị Phi (Thơ)					44.0		44.0		44.0			44.0		LUK
43	Nguyễn Thị Tiến	Chùa	66	152	108.3	47.4		47.4	60.9	108.3	-	108.3			LUC
44	Nguyễn Thị Tâm	Chùa	66	156	206.4	36.2		36.2		36.2	170.2	36.2			LUC
45	Nguyễn Văn Tại Nguyễn Thị Hường (Vợ)	Gai	66	132	115.9	102.3		102.3	-	102.3	-	-	102.3		LUC
							13.6			-					LUC
			66	131	318.9	84.6				-					
							144.0	84.6	-	84.6	-	-	84.6		LUC
46	Trần Văn Nga	Gai				90.3		90.3	-	90.3	-	-	90.3		LUC
										-					
			66	130	82.2	17.4	22.4	17.4	-	17.4	-	-	17.4		LUC
47	Nguyễn Văn Tại Nguyễn Thị Hường (Vợ)	Gai				42.4		42.4	-	42.4	-	-	42.4		LUC
48	Đàm Văn Hương Lê Thị An (vợ)	Chùa	66	370	316.6	64.0		64.0	-	64.0	-	64.0			LUC
						25.6		25.6		25.6		25.6			LUC
49	Nguyễn Văn Nho	Chùa				24.0		24.0		24.0		24.0			LUC
50	Nguyễn Văn Cơ Nguyễn Thị Chuyên (Vợ)	Chùa				62.0		62.0		62.0		62.0			LUC
51	Phạm Thị Bình	Chùa				40.0		40.0		40.0		40.0			LUC
						15.0		15.0		15.0		15.0	-		LUC
52	Nguyễn Văn Đĩnh Nguyễn Thị Lục (vợ)	Chùa				18.0		18.0		18.0		18.0			LUC
53	Đàm Văn Cường					68.0		68.0		68.0			68.0		LUC
			66	376	83.3	20.0		20.0		20.0			20.0		LUC
54	Phạm Thị Bình	Chùa				15.0		15.0		15.0		15.0			LUC
55	Đàm Văn Hương Lê Thị An (vợ)	Chùa				48.3		48.3		48.3		48.3			LUC
56	Đàm Văn Cường	Chùa	66	704	405.6	405.6		61.1	-	61.1	-		61.1		BHK
57	Đặng Thị Sáu	Chùa						40.7		40.7	-		40.7		BHK
58	Nguyễn Văn Tuế	Chùa						47.6		47.6	-		47.6		BHK
59	Lê Thị Xuân	Chùa						42.4		42.4	-		42.4		BHK
60	Nguyễn Thị Dĩnh	Chùa						42.4		42.4	-		42.4		BHK
61	Nguyễn Thị Hà	Chùa						42.4		42.4	-		42.4		BHK
62	Nguyễn Thị Nên	Chùa						40.7		40.7	-		40.7		BHK
63	Phạm Văn Hoàn	Chùa						40.7		40.7	-		40.7		BHK
64	Nguyễn Thị Lệ	Chùa						47.6		47.6	-		47.6		BHK
65	UBND xã	Gai	67	152	60.8	60.8		60.8	-	60.8	-			60.8	LUC